

# TỪ NGÔN NGỮ CHUNG ĐẾN LỜI NÓI CÁ NHÂN

## A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Nắm được biểu hiện của cái chung trong ngôn ngữ của xã hội và cái riêng trong lời nói của cá nhân, mối tương quan giữa chúng.

– Nâng cao năng lực lĩnh hội những nét riêng trong ngôn ngữ của cá nhân, nhất là của các nhà văn có uy tín. Đồng thời, rèn luyện để hình thành và nâng cao năng lực sáng tạo của cá nhân, biết phát huy phong cách ngôn ngữ cá nhân khi sử dụng ngôn ngữ chung.

– Vừa có ý thức tôn trọng những quy tắc ngôn ngữ chung của xã hội, vừa có sáng tạo, góp phần vào sự phát triển ngôn ngữ của xã hội.

## B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### I – NỘI DUNG

#### 1. Đặc điểm bài học

Đây là bài có tính chất lí thuyết, có nhiều kiến thức mới mà HS chưa học ở các lớp dưới. Tuy thế, ngữ liệu cho bài này có nhiều trong thực tiễn sử dụng ngôn ngữ hàng ngày. Do đó, GV cần tạo điều kiện cho HS huy động các ngữ liệu thực tế vào bài học.

#### 2. Trọng tâm bài học

Khi tiến hành dạy bài này, GV nên chú ý những nội dung chủ yếu sau :

a) Ngôn ngữ là tài sản chung của một dân tộc, một cộng đồng xã hội. Đó là phương tiện giao tiếp chung của cả xã hội. Nhưng ngôn ngữ lại tồn tại trong mỗi cá nhân, do mỗi cá nhân chiếm lĩnh và sử dụng khi giao tiếp. Cần làm cho HS thấy rõ cái chung trong ngôn ngữ ở mỗi người bao gồm :

– Các yếu tố ngôn ngữ chung (đơn vị có sẵn) như : âm, thanh, âm tiết (tiếng), từ, ngữ cố định.

– Các quy tắc chung, các phương thức chung. Có nhiều quy tắc mà HS đã học, như quy tắc cấu tạo từ, cấu tạo ngữ (cụm từ), cấu tạo câu, đoạn, văn bản, phương thức chuyển nghĩa, chuyển loại của từ, phương thức sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp các câu,...

b) Mặt khác, GV cần làm cho HS thấy được cái riêng trong lời nói của cá nhân. Cái riêng đó có thể là sự biến đổi cái chung đã sẵn có (biến đổi nghĩa của từ ngữ, thay đổi dạng thức của từ ngữ, biến đổi sự kết hợp của từ ngữ, sắc thái phong cách của từ ngữ,...), có thể là sự sáng tạo ra từ ngữ mới, cách kết hợp mới,... Thật ra, cái riêng trong ngôn ngữ của cá nhân rất đa dạng và thuộc về các bình diện khác nhau, các cấp độ khác nhau của ngôn ngữ. Trong bài chỉ nêu những trường hợp phổ biến và dễ nhận thấy.

c) Giữa ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói của cá nhân có mối quan hệ biện chứng, thống nhất. Cần cho HS nắm được đây là mối quan hệ hai chiều. Ngôn ngữ chung là cơ sở để cho mỗi cá nhân sản sinh ra những lời nói cụ thể của mình, đồng thời để lĩnh hội được lời nói của cá nhân khác. Nếu mỗi cá nhân không hình thành và chiếm lĩnh được ngôn ngữ chung thì không thể tạo ra được lời nói riêng, không thể tham gia vào giao tiếp chung trong xã hội. Đồng thời, ngôn ngữ chung được hiện thực hoá trong lời nói cá nhân, hơn nữa còn được biến đổi và phát triển trong chính quá trình mỗi cá nhân dùng ngôn ngữ chung để tham gia hoạt động giao tiếp. Những sự sáng tạo và biến đổi trong lời nói cá nhân cần tuân theo các phương thức và quy tắc chung, có như vậy sự giao tiếp mới đạt được hiệu quả và mục đích của nó.

## II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Phương pháp dạy học

Kết hợp giữa diễn dịch và quy nạp, GV có thể nêu nhận định chung rồi yêu cầu HS huy động thực tiễn sử dụng ngôn ngữ để minh họa. Hoặc ngược lại, đi từ thực tiễn sử dụng ngôn ngữ rồi hướng dẫn HS khái quát thành nhận định.

### 2. Tiến trình tổ chức dạy học

Bài có hai giai đoạn :

– Tìm hiểu những vấn đề lí thuyết : tính chung của ngôn ngữ xã hội, nét riêng của lời nói cá nhân, quan hệ giữa hai mặt đó. Ở giai đoạn này, cần kết hợp việc nêu nhận định và phân tích các ví dụ cụ thể.

– Làm các bài tập để mở rộng và củng cố lí thuyết.

## III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

### 1. Kiểm tra, đánh giá

GV kiểm tra, đánh giá kiến thức và kĩ năng của HS thông qua các bài tập trong phần *Luyện tập*.

## 2. Gợi ý giải bài tập

### TIẾT 1

#### *Bài tập 1*

Trong hai câu thơ của Nguyễn Khuyến, không có từ nào là từ mới. Các từ đều quen thuộc với mọi cá nhân trong cộng đồng người Việt. Nhưng có từ *thôi* (từ thứ hai) được nhà thơ dùng với nghĩa mới. *Thôi* vốn có nghĩa chung là *chấm dứt, kết thúc* một hoạt động nào đó (nó *thôi* học, hoặc *thôi* ăn, *thôi* làm), ở đây Nguyễn Khuyến dùng từ *thôi* (thứ hai) trong bài thơ với nghĩa *chấm dứt, kết thúc cuộc đời, cuộc sống*. Đó là sự sáng tạo nghĩa mới cho từ *thôi*, thuộc về lời nói của cá nhân Nguyễn Khuyến.

#### *Bài tập 2*

Hai câu thơ đều dùng các từ ngữ quen thuộc với mọi người, nhưng sự phối hợp của chúng, trật tự sắp xếp của chúng thật khác thường, là cách sắp đặt của riêng Hồ Xuân Hương :

– Các cụm danh từ (*rêu từng đám, đá mấy hòn*) đều sắp xếp danh từ trung tâm (*rêu, đá*) ở trước tổ hợp định từ + danh từ chỉ loại (*từng đám, mấy hòn*).

– Các câu đều sắp xếp bộ phận vị ngữ (động từ + thành phần phụ : *xiên ngang – mặt đất, đâm toạc – chân mây*) đi trước bộ phận chủ ngữ (*rêu từng đám, đá mấy hòn*).

Sự sắp xếp đó là cách làm riêng của tác giả để tạo nên âm hưởng mạnh cho câu thơ và tô đậm các hình tượng thơ.

#### *Bài tập 3*

Quan hệ giữa ngôn ngữ chung của xã hội và lời nói riêng của cá nhân là quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Trong hiện thực, có nhiều hiện tượng cũng có mối quan hệ tương tự như vậy.

Ví dụ :

– Quan hệ giữa giống loài (chung) và từng cá thể động vật. Mỗi cá thể động vật, chẳng hạn một con cá cụ thể, là sự hiện thực hoá của loài cá, đồng thời mỗi con cá có thể có những nét riêng (về kích thước, về màu sắc,...) so với những đặc trưng chung của loài cá.

– Quan hệ giữa một mô hình thiết kế chung với một sản phẩm cụ thể được tạo ra, chẳng hạn một kiểu áo sơ mi, là cơ sở chung để may ra những cái áo cụ thể (có thể khác biệt nhau về chất liệu vải, về màu sắc,...).

## TIẾT 2

### Bài tập 1

Trong câu thơ của Nguyễn Du, *nách* chỉ góc tường. Nguyễn Du đã chuyển nghĩa cho từ *nách* từ nghĩa chỉ vị trí trên thân thể con người sang nghĩa chỉ vị trí giao nhau giữa hai bức tường tạo nên một góc. Đây là nghĩa chuyển, chỉ có trong lời thơ của Nguyễn Du, nhưng nó được tạo ra theo phương thức chuyển nghĩa chung của tiếng Việt – phương thức ẩn dụ (tức dựa vào quan hệ tương đồng giữa hai đối tượng được gọi tên).

### Bài tập 2

Từ *xuân* trong ngôn ngữ chung đã được các tác giả dùng với nghĩa riêng :

– Trong câu thơ của Hồ Xuân Hương, *xuân* vừa chỉ mùa xuân, vừa chỉ sức sống và nhu cầu tình cảm của tuổi trẻ.

– Trong câu thơ của Nguyễn Du, *xuân* trong *cành xuân* để chỉ vẻ đẹp của người con gái trẻ tuổi.

– Trong câu thơ của Nguyễn Khuyến, *xuân* trong *bầu xuân* chỉ chất men say nồng của rượu ngon, đồng thời cũng có nghĩa bóng chỉ sức sống dạt dào của cuộc sống, tình cảm thắm thiết của bạn bè.

– Trong câu thơ của Hồ Chí Minh, từ *xuân* thứ nhất có nghĩa gốc chỉ mùa đầu tiên trong năm, từ *xuân* thứ hai chuyển nghĩa chỉ sức sống mới, tươi đẹp.

### Bài tập 3

Cùng là từ *mặt trời* trong ngôn ngữ chung, nhưng mỗi tác giả sử dụng theo những cách khác nhau, tạo nên những ý nghĩa riêng, khác nhau :

a) Trong câu thơ của Huy Cận, *mặt trời* dùng với nghĩa gốc (chỉ một thiên thể trong vũ trụ), nhưng dùng theo phép nhân hoá nên có thể *xuống biển* (hoạt động như người).

b) Trong câu thơ của Tố Hữu, từ *mặt trời* chỉ lí tưởng cách mạng.

c) Trong câu thơ của Nguyễn Khoa Điềm, từ *mặt trời* thứ nhất dùng với nghĩa gốc, từ *mặt trời* thứ hai dùng với nghĩa ẩn dụ, chỉ đứa con của người mẹ : Đối với người mẹ, đứa con là niềm hạnh phúc, niềm tin, mang lại ánh sáng cho cuộc đời người mẹ.

### Bài tập 4

Trong các câu *a*, *b* và *c* có ba từ do các cá nhân tạo ra, trước đó chưa có trong ngôn ngữ chung của xã hội. Chúng được tạo ra trên cơ sở của một tiếng đã có sẵn cùng với quy tắc cấu tạo chung, hoặc chỉ dựa vào quy tắc (mô hình, kiểu) cấu tạo chung.

- a) Trong câu *a*, từ *mọn mằn* được cá nhân tạo ra khi dựa vào :
- Tiếng *mọn* với nghĩa "nhỏ đến mức không đáng kể" (như trong từ ghép : *nhỏ mọn*).
  - Những quy tắc cấu tạo chung như sau :
  - + Quy tắc tạo từ láy hai tiếng, lặp lại phụ âm đầu (âm *m*).
  - + Trong hai tiếng, tiếng gốc (*mọn*) đặt trước, tiếng láy đặt sau.
  - + Tiếng láy lặp lại âm đầu, nhưng đổi vần thành vần *ăn* và đổi thanh huyền ( ` ) thành thanh nặng ( . ).

Quy tắc cấu tạo như vậy đã được dùng để cấu tạo nhiều từ láy khác. GV nên yêu cầu HS huy động và kể ra những từ cùng kiểu cấu tạo như : *nhỏ nhắn, xinh xắn, đều đặn, may mắn, bằng bạn, vừa vặn, khoẻ khoắn, đỏ đẫm, đứng đắn, lành lặn, chắc chắn, thẳng thắn, khó khăn, nhọc nhằn,...*

Từ *mọn mằn* có nghĩa là nhỏ nhất, tầm thường, không đáng kể.

b) Trong câu *b*, từ *giỏi giắn* được tạo ra trên cơ sở tiếng *giỏi* và theo quy tắc như các từ trên : láy phụ âm đầu, tiếng thứ hai mang vần *ăn*. Từ *giỏi giắn* có nghĩa là : rất giỏi (có sắc thái thẹn cảm, được mến mộ).

c) Trong câu *c*, từ *nội soi* được tạo ra từ hai tiếng có sẵn (*nội, soi*), đồng thời dựa vào phương thức cấu tạo từ ghép chính phụ có tiếng chính chỉ hoạt động (đi sau) và tiếng phụ bổ sung ý nghĩa (đi trước). Phương thức cấu tạo của từ *nội soi* giống phương thức cấu tạo của các từ đã có từ lâu : *ngoại xâm, ngoại nhập,...*

#### IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. F. de Saussure, *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.
2. Đặng Thị Lanh – Bùi Minh Toán – Lê Hữu Tĩnh, *Tiếng Việt*, tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.